BUÔN THẠCH TRẠI

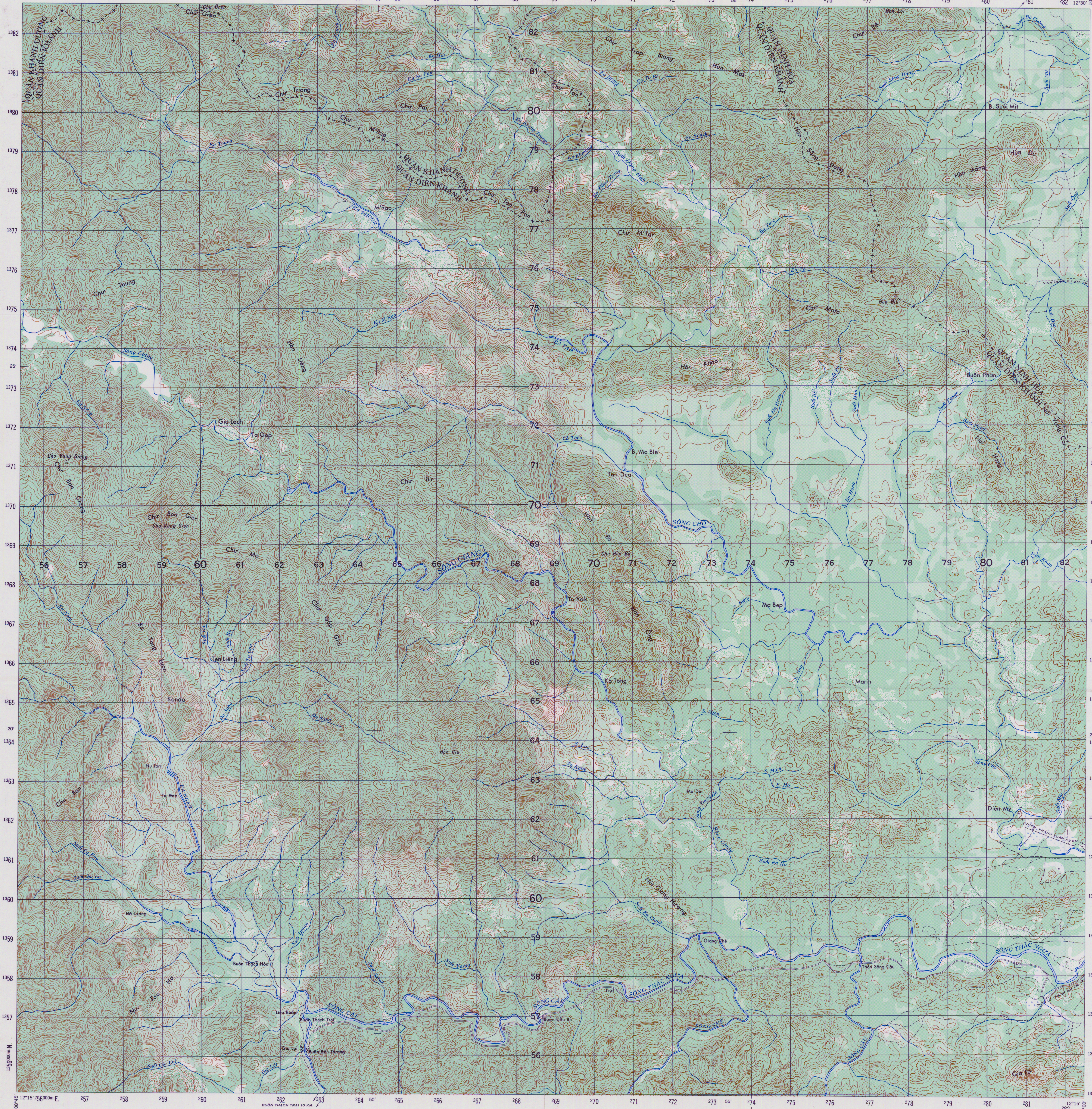

LEGEND—CHỦ-TỪ

MAP INFORMATION AS OF 1965

BẢN-ĐỒ TIN TỨC NĂM 1965

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES

THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

3 Statute Miles · 4000 Meters · 4000 Yards · 3 Nautical Miles

CONTOUR INTERVAL—20 METERS

SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

SPHEROID .... EVEREST
GRID ... 1,000 METER UTM: ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION .... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM .... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM .... INDIAN DATUM 1960

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT

CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TỪNG: 10 MÉT

KHỐI BẦU-DỤC .... EVEREST
Ô VUÔNG .... UTM TỪNG 1,000 MÉT: KHU HÌNH THOI 49 (NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ ĐEN)
HỆ-THỐNG CHIẾU .... U.T.M.
BÌNH-DIỆN CHUẨN .... MẶT BIỂN TRUNG-BÌNH TẠI HÀ TIÊN
HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU CHUẨN .... HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU ẤN-ĐỘ 1960

CREDITS

PREPARED BY .... AMS (SX), U.S. ARMY, 1966
NAMES DATA BY .... NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE, VIETNAM
CONTROL BY .... USAMSFE; NGS, VIETNAM; 29TH ENGR BN; SERVICE GÉOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE
PRINTED BY .... AMS, U.S. ARMY

REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.

XIN GỞI NHỮNG SỰ SỬA ĐỔI TRONG BẢN-ĐỒ NÀY ĐẾN NHA ĐỊA-DƯ QUỐC GIA, DÀLAT, VIỆTNAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHÁC-HỌA VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY—CỔ-TỪ

B., Buôn	village
Ba	hill
Chư	mountain
Da	stream
Ea	stream
Hòn	mountain
Núi	mountain
S., Sông, Suối	stream
Thôn	village

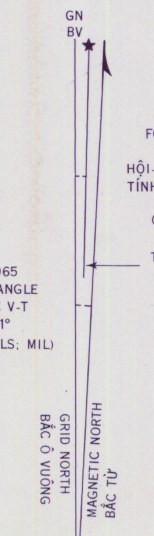

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH ADD G-M ANGLE

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG CỘNG THÊM GÓC V-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH SUBTRACT G-M ANGLE

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GIÁC TỪ TRỪ GÓC V-T

1965 G-M ANGLE GÓC V-T 1° (20 MILS; MIL)

GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET

HỘI-TỤ ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ

0°27′ (8 MILS; MIL)

ELEVATION GUIDE

CHỈ-DẪN CAO-ĐỘ

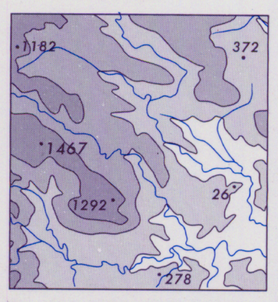

BOUNDARIES

NHỮNG ĐỊA-GIỚI

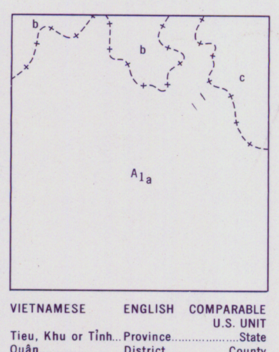

VIETNAMESE	ENGLISH	COMPARABLE U.S. UNIT
Tieu, Khu or Tỉnh	Province	State
Quận	District	County
Xã or Làng	Village	Township
Ấp	Hamlet	Town

A. Trung Phần Việt Nam
1. Tỉnh Khánh Hòa
a. Quận Diên Khánh
b. Quận Khánh Dương
c. Quận Ninh Hòa

ADJOINING SHEETS

BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ

6734 III	6734 II	6834 III
6733 IV	6733 I	6833 IV
6733 III	6733 II	6833 III

Sheet 6733 I falls within ND 49-13, 1501G, 1:250,000

DISTRIBUTION LIMITED—DESTROY WHEN NO LONGER NEEDED

GRID ZONE DESIGNATION
MỆNH-DANH BẢN ĐỒ TRONG KHU KẺ Ô

49P

100,000 M. SQUARE IDENTIFICATION
CHỈ-ĐỊNH Ô VUÔNG TỪNG 100.000 M.

BP

IGNORE the SMALLER figures of any grid number; these are for finding the full coordinates. Use ONLY the LARGER figures of the grid number:
Những con số nhỏ chỉ dùng để ghi những tọa-độ toàn bộ. Chỉ dùng những con SỐ LỚN của số hiệu ô kẻ vuông:
Example: Thí dụ: 1356000

TO GIVE A STANDARD REFERENCE ON THIS SHEET TO NEAREST 100 METERS
PHƯƠNG-PHÁP TÌM TỌA-ĐỘ TỪNG TRĂM MÉT CHO MỘT ĐỊA ĐIỂM TRONG BẢN-ĐỒ

SAMPLE POINT: △ 1467 — THÍ DỤ: △ 1467

1. Read letters identifying 100,000 meter square in which the point lies: — 1. Ghi chữ chỉ-định ô vuông từng 100.000 mét của địa-điểm muốn tìm tọa-độ: — BP
2. Locate first VERTICAL grid line to LEFT of point and read LARGE figures labeling the line either in the top or bottom margin, or on the line itself: — 2. Lấy đường ô vuông kẻ DỌC đầu tiên ở phía TRÁI địa điểm. Đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi phía trên hay phía dưới bản đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó: — 59
Estimate tenths from grid line to point: — Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ dọc đến địa-điểm: — 2
3. Locate first HORIZONTAL grid line BELOW point and read LARGE figures labeling the line either in the left or right margin, or on the line itself: — 3. Lấy đường ô vuông kẻ NGANG đầu tiên ở phía DƯỚI địa-điểm. Đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi bên trái hay bên phải bản đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó: — 69
Estimate tenths from grid line to point: — Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ ngang đến địa-điểm: — 7

SAMPLE REFERENCE: — THÍ DỤ: — BP592697

If reporting beyond 9° N-S or 18° E-W, prefix Grid Zone Designation, as: — Nếu phải liên lạc với một địa-điểm cách xa quá 9° Bắc, Nam hay 18° Đông, Tây, hãy ghi ở đằng trước mệnh-danh khu kẻ ô: — 49PBP592697